

DANH SÁCH LỚP 10A6 - NĂM HỌC 2026 - 2027 (Lớp nguồn tổ hợp 3)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm TS 10	Điểm khảo sát				Điểm Xếp Lớp	Lớp
					M1	M2	M3	Tổng KS		
1	Phạm Ngọc	Anh	20-04-2011	24.00	6.25	4.5	6	16.75	40.75	10A6
2	Võ Lan	Anh	19-08-2011	23.75	6.75	3.5	5.75	16	39.75	10A6
3	Đỗ Trần Nguyễn Huệ	Chi	31-05-2011	25.25	6	4	8	18	43.25	10A6
4	Phạm Chính	Danh	16-02-2011	21.50	6.75	5.5	5.75	18	39.50	10A6
5	Hà Trung	Đạt	05-03-2011	22.50	5	6	6.25	17.25	39.75	10A6
6	Nguyễn Mạnh	Dũng	19-11-2011	24.75	8	5.5	5.75	19.25	44.00	10A6
7	Hồ Minh	Hằng	16-08-2011	26.00	9.25	5.25	6.75	21.25	47.25	10A6
8	Trịnh Thị Ánh	Hồng	12-12-2011	24.25	3.5	4.25	5.5	13.25	37.50	10A6
9	Nguyễn Minh	Huân	14-09-2011	23.75	10	5	6.75	21.75	45.50	10A6
10	Thái Minh	Khôi	08-01-2011	23.75	8.75	4	6.75	19.5	43.25	10A6
11	Lê Trung	Kiên	12-03-2011	23.50	3.5	8	6.5	18	41.50	10A6
12	Ninh Phạm Tuấn	Kiệt	04-10-2011	23.00	6.25	2	6.75	15	38.00	10A6
13	Nguyễn Tấn	Kim	22-01-2011	22.00	7.75	6	4.75	18.5	40.50	10A6
14	Nguyễn Trúc	Linh	12-09-2011	23.50	4.75	5.25	6	16	39.50	10A6
15	Trần Nguyễn Bảo	Linh	17-12-2011	23.25	4.75	4.25	6	15	38.25	10A6
16	Nguyễn Ngọc	Linh	30-07-2011	20.75	5.5	5.5	5.75	16.75	37.50	10A6
17	Lê Tuệ	Mẫn	26-05-2011	24.25	4.75	3.25	6.25	14.25	38.50	10A6
18	Trương Quý	Minh	2/12/2011	25.50	8	5	6.5	19.5	45.00	10A6
19	Nguyễn Thiện	Minh	11-08-2011	20.75	9.75	5.25	5	20	40.75	10A6
20	Đoàn Hoàng Giáng	My	26-07-2011	24.50	4.5	4.25	5	13.75	38.25	10A6
21	Phạm Thị Bảo	Ngân	23-11-2011	23.00	4.5	5.5	6	16	39.00	10A6
22	Lê Khánh	Ngọc	20-04-2011	22.75	6.75	2.25	5.5	14.5	37.25	10A6
23	Nguyễn Lê Tố	Như	21-01-2011	24.50	4.75	4.25	7.5	16.5	41.00	10A6
24	Trần Ngọc Huỳnh	Như	31-10-2011	21.50	4.25	4.75	6.5	15.5	37.00	10A6
25	Nguyễn Tấn	Phát	04-12-2011	24.25	4	4.5	8	16.5	40.75	10A6
26	Nguyễn Minh	Phúc	03-07-2011	23.00	6.5	2.5	6.75	15.75	38.75	10A6
27	Kiều Nhật	Phương	21-05-2011	25.50	2.75	4.75	5.5	13	38.50	10A6
28	Nguyễn Hoàng	Quân	16-06-2011	25.50	7.25	2.75	6.75	16.75	42.25	10A6
29	Nguyễn Như	Quỳnh	18-03-2011	24.00	6.25	6.75	5.25	18.25	42.25	10A6
30	Lại Đỗ Thế	Tài	01-06-2011	24.25	8.5	4.5	6.75	19.75	44.00	10A6

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm TS 10	Điểm khảo sát				Điểm Xếp Lớp	Lớp
					M1	M2	M3	Tổng KS		
31	Phạm Ngọc Minh	Tâm	23-06-2011	25.00	5.75	3.75	6.75	16.25	41.25	10A6
32	Lê Nhật	Tâm	18-09-2011	23.50	4.75	2.5	6.5	13.75	37.25	10A6
33	Nguyễn Võ Phương	Thảo	28-02-2011	23.50	4.5	4.5	4.5	13.5	37.00	10A6
34	Nguyễn Phú	Thịnh	21-07-2011	23.25	8.5	5.5	5.5	19.5	42.75	10A6
35	Nguyễn Hoàng Hưng	Thịnh	03-05-2011	23.75	8.5	3.5	5.75	17.75	41.50	10A6
36	Vũ Thị Anh	Thơ	30-08-2011	23.50	10	5	6.5	21.5	45.00	10A6
37	Nguyễn Hữu Minh	Thư	19-05-2011	25.25	6.75	3	5.5	15.25	40.50	10A6
38	Nguyễn Trần Bảo	Thư	17-04-2011	23.50	4.25	4	7	15.25	38.75	10A6
39	Lê Minh	Trang	11-05-2011	25.00	9.5	6.5	5.75	21.75	46.75	10A6
40	Nguyễn Hoàng	Vũ	21-02-2011	23.25	5.75	3.5	5.5	14.75	38.00	10A6
41	Nguyễn Ngọc	Yến	05-01-2011	23.75	5.25	6.5	3.5	15.25	39.00	10A6
42	Huỳnh Ngọc	Yến	06-10-2011	21.75	7.5	3.5	6	17	38.75	10A6
43	Vũ Khánh	Linh	22-06-2011	20.25	5	6.25	5.25	16.5	36.75	10A6
44	Châu Gia	Hưng	26-11-2011	23.25	4.75	3.5	5.25	13.5	36.75	10A6
45	Nguyễn Thị Hương	Bảo	20-05-2011	24.50						10A6
46	Nguyễn Văn	Duyên	3/7/2011	24.00						10A6
47	Lê Đỗ Trung	Hiếu	HÒA NHẬP							10A6
48	Huỳnh Như	Ngọc	HÒA NHẬP							10A6